

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **32/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 15-4-2025

V/v Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Hoàng Mơn

2. Ông Đào Hoàng Khương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án thụ lý số: 20/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/4/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lưu Thị T**, sinh năm 1974 Vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông **Võ Văn L**, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp N, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện; biên bản lấy lời khai nguyên đơn trình bày và yêu cầu như sau:* Bà và ông Võ Văn L chung sống với nhau năm 1992, đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc không bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn nhiều lần, nguyên nhân do ông L thường hay ăn nhậu rồi về nhà kiểm chuyện nên vợ chồng hay cãi nhau, có vài lần mâu thuẫn ông L có đánh bà bằng tay, cầm dao, búa rượt bà và

đốt quần áo của bà, vì vậy mâu thuẫn vợ chồng xảy ra ngày càng nhiều không thể khắc phục được nên đã thật sự ly thân nhau từ năm 2019 đến nay.

Về con: Vợ chồng có 02 đứa con chung tên Võ Cấp T1, sinh ngày 06/3/1993 và Võ Kim P, sinh ngày 03/7/1995.

Về tài sản: Vợ chồng không tài sản chung.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với ông Võ Văn L.

- Về con: Các con hiện đã thành niên và tự lao động, sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Không có, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Vợ chồng không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với yêu cầu của nguyên đơn, tại biên bản lấy lời khai ngày 21/3/2025 bị đơn có ý kiến:* Ông và bà Lưu Thị Thúy C sống với nhau năm 1992 đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì bà T bỏ đi thành phố làm nên vợ chồng ly thân nhau từ đó đến nay.

Về con: Vợ chồng có 02 đứa con chung tên Võ Cấp T1, sinh ngày 06/3/1993 và Võ Kim P, sinh ngày 03/7/1995.

Về tài sản: Vợ chồng không tài sản chung.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay theo yêu cầu của bà T thì ông có ý kiến:

- Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với bà Lưu Thị Thúy .

- Về con: Các con hiện đã thành niên và tự lao động, sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Không có, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Vợ chồng không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa:*

- Các đương sự vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự;

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét những vấn đề cụ thể như sau, về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lưu Thị Thúy ly hôn ông Võ Văn L; về con: Hiện các con đã thành niên và tự lao động sinh sống được, không có tranh chấp nên đề nghị không xem xét; về tài sản chung và về nợ chung: không có, không tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án và tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn ông Võ Văn L. Sau đó, Tòa án nhận được đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải của nguyên đơn. Như vậy, được xác định đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: “.....*Một trong các đương sự đề nghị không tiến hành hòa giải*”.

Vì vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lưu Thị T và bị đơn ông Võ Văn L vắng mặt lần thứ nhất, nhưng đã có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng (bà T, ông L) theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lưu Thị T và ông Võ Văn L tự nguyện lấy nhau làm vợ chồng, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V cấp giấy chứng nhận kết hôn. Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông L là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo quy định tại các điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Giữa bà T và ông L đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông L thường hay ăn nhậu và có lần đốt quần áo của bà T và thực tế vợ chồng đã ly thân nhau là đúng theo biên bản xác minh ngày 21/3/2025.

Tuy ông L đã đồng ý ly hôn với bà T, tức là hai bên đã thống nhất thuận tình ly hôn với nhau nhưng HĐXX không thể ghi nhận sự thỏa thuận này của hai người, bởi quá trình giải quyết vụ án ông L không đến Tòa án để thỏa thuận với bà T. Hơn nữa, tại phiên tòa hôm nay bà T và ông L đều vắng mặt. Do đó, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông L theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về quan hệ nuôi con chung*: Quá trình giải quyết hai bên đương sự thống nhất xác định, vợ chồng có 02 con chung tên Võ Cấp T1, sinh ngày 06/3/1993 và Võ Kim P, sinh ngày 03/7/1995. Hiện nay các con đã thành niên và tự lao động, sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

- *Về quan hệ tài sản chung và quan hệ nợ chung*: Bà T, ông L đã xác định vợ chồng không tài sản chung, không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

Xét ý kiến đề nghị của đại diện viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Lưu Thị T có đơn yêu cầu xin ly hôn nên bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1 - Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lưu Thị Thúy ly hôn ông Võ Văn L.

2 - Về quan hệ nuôi con chung, quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

3 - Về án phí: Bà Lưu Thị Thúy P1 chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là **300.000** đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp

là 300.000 đồng theo biên lai số 0002564 ngày 13 tháng 02 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận; bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Vĩnh Bình Bắc;
- Lưu (HSVA, VPTA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Mỹ Linh